

TRIẾT LÝ KHOA HỌC CỦA PAUL FEYERABEND

TRẦN QUANG THÁI

Đại học Đồng Tháp – trquythai@gmail.com

(Ngày nhận: 25/06/2016; Ngày nhận lại: 26/09/2016; Ngày duyệt đăng: 12/01/2017)

TÓM TẮT

Bài viết nhằm làm rõ triết lý khoa học của Paul Feyerabend, một trong những triết gia khoa học nổi tiếng của thế kỷ XX. Qua sự khảo sát các công trình của ông, bằng phương pháp hệ thống hóa, phương pháp logic-lịch sử, phương pháp đối chiếu, bài viết đã xác định triết lý khoa học của Feyerabend. Đó là sự bác bỏ những ý tưởng của chủ nghĩa thực chứng trong nỗ lực so sánh các lý thuyết khoa học với nhau, là sự phủ nhận vị thế độc tôn một truyền thống hay hoặc một kiểu thực hành khoa học bất kỳ. Triết lý khoa học của Feyerabend có ý nghĩa ở chỗ khẳng định tinh thần tự do và bình đẳng tri thức, tính cởi mở, sáng tạo của khoa học và văn hóa.

Từ khóa: lý thuyết vô ước; chủ nghĩa tương đối khoa học.

Paul Feyerabend's Philosophy of Science

ABSTRACT

The paper aims to clarify Paul Feyerabend's philosophy of science, a famous philosopher of science of the twentieth century. Through his works with the method of systematization, of logic – history, of comparison the paper comes to identify Feyerabend's philosophy of science. Those are the rejection on the idea of positivism in its comparison with various scientific theories, the rejection on the monopoly of a scientific tradition or a kind of certain scientific practice. Feyerabend's philosophy of science has its significance in advocating justice and freedom in knowledge, the openness and creativity of science and culture.

Keywords: theory of incommensurability; scientific relativism.

1. Paul Feyerabend (1924 – 1994), triết gia Áo, một trong những người đặt nền tảng cho sự hình thành chủ nghĩa hậu hiện đại xét từ phương diện triết lý khoa học. Ban đầu ông học lịch sử và xã hội học ở đại học, nhưng sau đó chuyển sang vật lý và triết học. Năm 1951, ông nhận bằng tiến sỹ triết học. Feyerabend bắt đầu quan tâm tới cơ học lượng tử và triết học ngôn ngữ của Wittgenstein. Ông được bổ nhiệm làm giáo sư triết học tại đại học Bristol, Anh vào năm 1955. Kể từ năm 1959, ông trở thành giáo sư đại học Berkeley, California, Mỹ. Sau khi về hưu vào năm 1990, Feyerabend chuyển đến sống ở Thụy Sĩ cho đến cuối đời. Ông viết khá nhiều trong sự nghiệp, song nổi tiếng nhất là bộ ba gồm “Chống phương pháp” (Against Method) xuất bản năm 1975, “Khoa học trong một xã hội tự do” (Science in a Free Society) xuất bản năm

1978 và “Tạm biệt lý tính” (Farwell to Reason) xuất bản năm 1987.

2. Tư tưởng chủ đạo trong triết lý khoa học của Feyerabend là xuất phát từ triết học ngôn ngữ (lý thuyết ngữ cảnh) đi đến biện minh cho sự cần thiết của chủ nghĩa tương đối như một phương án tối ưu nhằm hóa giải những xung đột, khác biệt về văn hóa nói chung, mối quan hệ giữa khoa học với các loại hình tri thức khác nói riêng.

Lý thuyết ngữ cảnh được Feyerabend triển khai trong “Các bài báo triết học” (1981) nhằm bảo vệ chủ nghĩa duy thực (realism) trước chủ nghĩa công cụ (instrumentalism) trong việc lý giải các lý thuyết khoa học. Tư tưởng của ông rằng, ý nghĩa của khái niệm (khái niệm lý thuyết lẫn khái niệm kinh nghiệm) không được xác định bởi cách dùng của chúng, cũng không phải bởi liên hệ giữa

chúng với kinh nghiệm con người, mà nhờ vào vai trò của chúng thực hiện trong ngữ cảnh. Sự phân biệt giữa các khái niệm lý thuyết với các khái niệm kinh nghiệm chỉ có tính dụng học thuần túy. Nếu những mệnh đề kinh nghiệm phụ thuộc vào các nguyên lý trừu tượng, thì bất kỳ sự không tương thích nào giữa các nguyên lý này đều được chuyển sang các mệnh đề kinh nghiệm, khi đó niềm tin của chúng ta vào những cái quan sát có thể mắc sai lầm, và thậm chí bản thân những kinh nghiệm của chúng ta cũng không còn đáng tin vì đã mang tới hình ảnh phiến diện về những cái đang diễn ra ở thực tại. Do vậy, tất cả phát biểu, niềm tin, kinh nghiệm đều có tính “giả thiết”. Sự quan sát và thử nghiệm luôn đòi hỏi sự lý giải, và những lý giải khác nhau luôn đến từ những lý thuyết khác nhau. Nếu các ý nghĩa chứa đựng các nguyên lý trừu tượng thì thay vì đơn giản chấp nhận những mệnh đề kinh nghiệm, chúng ta cần tìm kiếm và thử nghiệm các nguyên lý trừu tượng tiềm ẩn trong chúng, và điều này có thể khiến chúng ta phải thay đổi những ý nghĩa đó. Từ đây dẫn đến việc Feyerabend đề cao sự bất ổn định về ý nghĩa của ngôn ngữ, ông cho rằng những quan niệm của chủ nghĩa thực chứng (positivism) về quy giản, giải thích và khẳng định đều tiềm ẩn giả định sự bất ổn định về ngữ nghĩa, và điều này nên được can thiệp nếu muốn có tiến bộ khoa học. Nếu ý nghĩa được xác định bởi lý thuyết thì những khái niệm trong các lý thuyết khác nhau không thể đơn giản có cùng nghĩa (đồng nghĩa), do vậy không thể so sánh được chúng với nhau, hay nói cách khác, chúng mang “tính vô ước” (incommensurability). Từ đó mọi nỗ lực truy tìm những nguyên lý của một lý thuyết cũ từ một lý thuyết mới hoặc sẽ trở nên vô ích hoặc sẽ làm thay đổi ý nghĩa của các khái niệm trong lý thuyết cũ. Vì thế, sự quy giản của các nhà thực chứng logic giống như sự thay thế một lý thuyết này bằng lý thuyết khác. Feyerabend cho rằng, khái niệm “vô ước” đã loại trừ mọi hình thức quy giản, giải thích và

khẳng định của chủ nghĩa thực chứng.

Luận đề tính vô ước của các khái niệm cho thấy những nguyên lý kiến tạo ngữ nghĩa có chức năng làm chỗ dựa cho một lý thuyết có thể bị bác bỏ bởi một lý thuyết khác. Do đó, không thể so sánh nội dung các lý thuyết theo cách làm của chủ nghĩa duy lý, điều này gợi mở cho sự cần thiết của chủ nghĩa tương đối vì không có phương pháp khách quan nào để lựa chọn giữa hai lý thuyết. Đây là hệ quả của lý thuyết ngữ cảnh.

3. Nếu như lý thuyết ngữ cảnh nhắm tới bác bỏ sự quy giản các lý thuyết khoa học thì tư tưởng về động lực của tiến bộ khoa học được Feyerabend tiếp tục đề cập qua các công trình như “Cách trở thành một nhà kinh nghiệm giỏi” (How to be a Good Empiricism, 1963), “Chủ nghĩa duy thực và chủ nghĩa công cụ” (Realism and Instrumentalism, 1964), “Những vấn đề của chủ nghĩa kinh nghiệm” (Problems of Empiricism) và “Đáp lại phê bình” (Reply to Criticism, 1965), theo đó, động lực của tiến bộ khoa học là sự gia tăng nhiều lý thuyết mới đối lập nhau, sự phong phú của nội dung kinh nghiệm nơi các lý thuyết, ý tưởng này vốn xuất phát từ chủ nghĩa duy thực. Lập luận ủng hộ cho ý tưởng trên là do sự thử nghiệm một lý thuyết nào đó tỷ lệ với số lượng những phủ chứng tiềm năng của nó, cho nên việc sản sinh ra các lý thuyết mới thay thế là con đường hợp lý nhằm đảm bảo sự tồn tại của những phủ chứng tiềm năng. Vì thế, sự tiến bộ khoa học đòi hỏi sự phong phú của các lý thuyết (đa nguyên luận), kể cả các lý thuyết đối lập nhau, vì bằng sự cạnh tranh với nhau, chúng sẽ góp phần duy trì và nâng cao sự thử nghiệm, làm tăng nội dung kinh nghiệm cho nhau.

Ý tưởng đa nguyên khoa học (scientific pluralism) của Feyerabend được triển khai từ ý tưởng của John Stuart Mill trong “Bàn về tự do” (On Liberty), ông muốn thử một cơ chế trong đó các lý thuyết có thể gia tăng nội dung kinh nghiệm của chúng. Theo đó, các lý thuyết sẽ đối diện với nhiều thách thức phủ

chúng và chúng sẽ vượt qua khi có sự hỗ trợ của những lý thuyết thay thế khác tốt hơn. Đôi khi không thể khẳng định sự đúng sai của một lý thuyết bằng sự thử nghiệm trực tiếp bản thân lý thuyết đó, mà phải nhờ vào những công cụ và phương pháp thử nghiệm mới. Nguyên lý thử nghiệm yêu cầu phát triển nhiều lý thuyết thay thế đối lập với lý thuyết đã có. Thay vì ngồi chờ lý thuyết hiện có gặp phải thách thức, và chỉ tới khi đó mới bắt đầu tìm kiếm những lý thuyết thay thế, nhà khoa học phải khẩn trương gia tăng các lý thuyết và đồng thời kiên trì bảo vệ chúng với hy vọng chúng có thể cung cấp một sự bác bỏ gián tiếp lý thuyết hiện có. Chỉ những lý thuyết đầy đủ về mặt kinh nghiệm mới có thể góp phần gia tăng nội dung kinh nghiệm của những lý thuyết liên quan. Tuy nhiên Feyerabend cho rằng, bất kỳ lý thuyết nào, cho dù hạn chế ra sao, đều có thể trở thành đầy đủ về mặt kinh nghiệm, đều có thể đóng góp vào quá trình này. Vì thế, cần phải ủng hộ cho mọi lý thuyết, bao gồm cả những phỏng đoán không có cơ sở kinh nghiệm, những phỏng đoán mâu thuẫn với dữ liệu và quy luật có sẵn, giữ lại các lý thuyết có vấn đề, khám phá và phát triển những lý thuyết mâu thuẫn với hiện tượng quan sát, chỉ khi làm thế thì lý tưởng trí tuệ của sự thử nghiệm mới được tôn trọng.

Tư tưởng đa nguyên khoa học được đẩy xa hơn tới mức cực đoan khi trong “Chống phương pháp”, Feyerabend đưa ra chủ trương “vô nguyên tắc nhận thức luận” (epistemological anarchy), rằng không tồn tại những quy tắc phương pháp luận phổ quát nào chi phối sự tiến bộ của khoa học hoặc sự gia tăng của tri thức. Lịch sử khoa học vốn phức tạp đến mức nếu cứ mãi bám vào một phương pháp luận phổ quát nào đó thì khoa học khó tiến lên, do vậy, phương pháp luận duy nhất có thể là: *mọi phương pháp đều có thể*. Từ đây Feyerabend cho rằng, các phương pháp luận kinh nghiệm logic và chủ nghĩa duy lý phê phán của Karl Popper cản trở sự tiến bộ khoa học bằng sự gia tăng những điều kiện hạn chế đối với các

lý thuyết mới. Ông khẳng định, khoa học chỉ là một trong những hình thức tư duy của con người, và không nhất định là cái tốt nhất. Nó được xem là quan trọng chỉ đối với những ai đã quyết định ủng hộ một hệ tư tưởng nhất định, hoặc là những người đã chấp nhận nó mà chưa xem xét đầy đủ những ưu điểm và hạn chế của nó. Ông viết: “Một trong những động cơ của tôi khi viết *Chống phương pháp* là nhằm giải phóng mọi người khỏi ách chuyên chế của thứ triết học làm ngu muội đầu óc và các khái niệm trừu tượng như “chân lý”, “thực tại”, hay “tính khách quan”, những thứ vốn thu hẹp nhãn quan và cách tồn tại của mọi người trong thế giới. Diễn đạt những gì tôi nghĩ là thái độ và sự thuyết phục của tôi, tôi chẳng may kết thúc bằng việc đưa ra những khái niệm nghiêm ngặt tương tự, như “dân chủ”, “truyền thống”, hoặc “chân lý tương đối”. Bây giờ tôi đang ý thức về điều đó, tôi tự hỏi nó đã xảy ra như thế nào. Sự thôi thúc giải thích các ý tưởng của mình, không đơn giản, không phải là một câu chuyện, nhưng nhờ vào “sự mô tả hệ thống”, quả thật có sức mạnh”¹. Tiếp tục mạch phê bình sự độc tôn quyền lực khoa học, trong “Khoa học trong một xã hội tự do”, Feyerabend chỉ ra sự thiên vị khoa học ở một số nền văn hóa. Từ chỗ cho rằng không tồn tại một phương pháp khoa học phổ quát nên không thể chứng minh được khoa học là phương pháp nhận thức tối ưu, những kết quả của khoa học cũng không chứng minh được sự vượt trội của nó so với các loại hình tri thức khác, sở dĩ khoa học chiếm ưu thế chỉ vì “màn trình diễn đã được những kẻ ủng hộ dựng lên”². Những loại hình tri thức phi khoa học, cho dù có nhiều thành tựu, nhưng hiếm khi có cơ hội thể hiện. Để đảm bảo được tính công bằng và tính nhân văn giữa các loại hình tri thức, Feyerabend đề xuất sự tách biệt giữa khoa học và chính trị (nhà nước) và đưa ra ý tưởng về một xã hội tự do như “xã hội trong đó mọi truyền thống đều có quyền và sự tiếp cận bình đẳng đối với những trung tâm của

quyền lực”³. Từ quan điểm rằng khoa học là mối đe dọa đối với dân chủ, ông chủ trương kêu gọi bảo vệ xã hội trước mối đe dọa của sự độc quyền khoa học, cần đặt khoa học dưới sự kiểm soát dân chủ và cần hoài nghi “các chuyên gia” khoa học.

Trong “Tạm biệt lý tính”, Feyerabend cho rằng chủ nghĩa tương đối (relativism) là giải pháp phù hợp đối với những vấn đề xung đột về niềm tin và lối sống vì theo ông, đặc trưng nổi bật nơi bối cảnh tri thức đương đại của văn hóa phương Tây là tính phân mảnh, đa dạng và xung đột. Sự đa dạng văn hóa vốn có nơi nhiều xã hội trước đây là một điều hay vì nó tạo nên sự đề kháng hữu hiệu trước sự cai trị cực quyền. Ông ủng hộ sự đa dạng văn hóa bằng việc phê phán hai khái niệm chủ yếu của trào lưu triết học duy khoa học là khách quan và lý tính. Ông bác bỏ khái niệm khách quan vì cho rằng luôn tồn tại những sự khác biệt chủ quan không thể bỏ qua trong cách tiếp cận thế giới giữa các nền văn hóa. Chúng có thể dẫn tới xung đột dưới nhiều kịch bản khác nhau, và giải pháp hữu hiệu trước những xung đột này là chủ nghĩa tương đối, nghĩa là việc quyết định xem lối sống của người khác cùng những niềm tin của họ là “đúng đối với họ”, và xem lối sống cùng những quan niệm của chúng ta là “đúng đối với chúng ta”. Khái niệm lý tính và khách quan là “mơ hồ và không bao giờ được lý giải rõ ràng”⁴. Ông viết: “Chủ nghĩa duy lý không có nội dung xác định và lý tính không có một chương trình nghị sự được thừa nhận ngoài những nguyên lý của nhóm đã chiếm đoạt tên của nó. Tất cả những gì nó có thể làm lúc này là cho nhóm mượn xu hướng chung tiến về sự tự chủ. Đây là lúc tháo gỡ Lý tính khỏi xu hướng đó, và nó đã được thỏa hiệp chu đáo bởi sự liên minh để chào tạm biệt”⁵.

Chủ nghĩa tương đối là công cụ được Feyerabend hy vọng “phá bỏ nền tảng của Lý tính”. Nhưng tại sao Lý tính được viết hoa, đó là sự trừu tượng của triết gia hay là của bản thân nó? Theo ông, đó là khái niệm của triết

gia, nó không có nội dung, nó chính xác là do triết gia muốn kết nối một nội dung cụ thể với khái niệm lý tính hình thức. Khác với mọi người, khái niệm lý tính của họ gần hơn với cái mà Feyerabend gọi là khái niệm “vật chất”, ở đó, trở thành lý tính là “để tránh những quan niệm xác định và để chấp nhận những thứ khác”⁶. Chủ nghĩa tương đối là kết quả của sự xung khắc văn hóa, là “cố gắng hiểu hiện tượng đa dạng văn hóa”⁷.

Một trong những dự án được Feyerabend đeo đuổi rất lâu nhưng không bao giờ hoàn thành, có tên là “Sự trỗi dậy của Chủ nghĩa duy lý phương Tây” (The Rise of Western Rationalism). Ông hy vọng chứng tỏ được rằng, Lý tính và Khoa học đã thay thế những nguyên lý đan xen nhau của thế giới quan trước đây không phải như là kết quả của sự chiến thắng trí tuệ, mà như kết quả của trò chơi quyền lực. Các triết gia thời tiền – Socrates đã có nhiều ý tưởng độc đáo, nhưng cố gắng thay thế, lý tính hóa sự khôn ngoan dân gian của họ có lẽ là điều không nên. Việc đưa ra sự phân đôi hiện tượng/bản chất đã làm rối tung lên mọi thứ mà trước đó vốn đơn giản đối với mọi người. Thậm chí ngày nay, các nền văn hóa bản địa đã tạo ra nhiều thứ thay thế cho Lý tính và Khoa học phương Tây.

Trong những tác phẩm viết sau quyền “Chống phương pháp”, Feyerabend nhấn mạnh “sự phân rã của khoa học” (disunity of science). Khoa học là sự cắt dán, lắp ghép, nó không là một hệ thống hoặc một dự án thống nhất nào cả. Nó thậm chí bao hàm nhiều yếu tố bắt nguồn từ các lĩnh vực phi khoa học, các yếu tố này là những bộ phận sống còn của sự tiến bộ khoa học (sử dụng tùy thích bất kỳ chuẩn mực tiến bộ nào). Khoa học là một tập hợp các lý thuyết, thực hành, truyền thống nghiên cứu và thế giới quan mà dây ứng dụng của nó không thể được giới hạn cứng nhắc, những thành tựu của nó trải rộng khắp mọi lĩnh vực. Tuyên ngôn của ông là: “Khoa học không là một, mà là nhiều.”

4. Triết lý khoa học của Feyerabend ra

đòi trong bối cảnh đặc thù của văn hóa phương Tây thế kỷ XX với sự lớn mạnh gần như khuynh loát tất cả của chủ nghĩa duy lý dưới những phiên bản mới của chúng. Nỗ lực độc tôn khoa học tạo nên “những thành tích” đáng tự hào trong quản trị xã hội, thúc đẩy văn minh hóa cuộc sống, song nó cũng làm lu mờ đi sự đa dạng văn hóa, thậm chí triệt tiêu những khác biệt về nhận thức thế

giới của những xã hội ngoài phương Tây dưới lớp vỏ “khai hóa”. Mối liên kết tinh vi, chặt chẽ giữa khoa học với quyền lực chính trị ít nhiều gây ra những biến dạng méo mó của sự hạn chế dân chủ. Mặc dù rơi vào chủ nghĩa tương đối đến mức cực đoan song triết lý khoa học của ông vẫn có giá trị ở chỗ khẳng định tinh thần tự do và bình đẳng tri thức, tính cởi mở, sáng tạo của khoa học và văn hóa ■

Ghi chú:

1. P.Feyerabend, *Against Method*, London: Verso, 1975, p. 179 – 80.
2. P.Feyerabend, *Science in a Free Society*, London: New Left Books, 1978, p. 102.
3. P.Feyerabend, *Ibid.*, p. 9.
4. P.Feyerabend, *Farawell to Reason*, London: Verso, 1987, p. 10.
5. P.Feyerabend, *Ibid.*, 1987, p. 13.
6. P.Feyerabend, *Ibid.*, 1987, p. 10.
7. P.Feyerabend, *Ibid.*, 1987, p. 19.

Tài liệu tham khảo

- Feyerabend, P. (1975). *Against Method*. London: Verso.
- Feyerabend, P. (1978). *Science in a Free Society*. London: New Left Books.
- Feyerabend, P. (1987). *Farawell to Reason*. London: Verso.
- Feyerabend, P. (1981). *Realism, Rationalism, and Scientific Method: Philosophical Papers, Volume 1*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Feyerabend, P. (1981). *Problems of Empiricism: Philosophical Papers, Volume 2*. Cambridge: Cambridge University Press.

